

XÂY DỰNG HỆ THỐNG THÔNG TIN PHỤC VỤ QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI VIỆT NAM (NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TỈNH NGHỆ AN)

■ Thạch Thị Hoàng Yến

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
Đại học Quốc gia Hà Nội*

1. Đặt vấn đề

Dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cách thức quản lý của các tổ chức thay đổi ngày càng lớn rõ rệt. Trong đó việc quản lý và khai thác tài sản trí tuệ có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội từng địa phương. Để tối ưu hóa hiệu quả quản lý tài sản trí tuệ thì việc xây dựng một hệ thống thông tin (HTTT) phục vụ quản lý và khai thác tài sản trí tuệ trong bối cảnh chuyển đổi số là rất cần thiết.

Nghệ An là tỉnh có thế mạnh về các điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội với diện tích lớn nhất cả nước 16.486 km²; dân số trên 3,4 triệu người; tỉ lệ người sử dụng điện thoại là 81,68%; tỉ lệ người sử dụng internet là 59,94% và tỉ lệ hộ gia đình có kết nối internet là 48%⁽¹⁾. Thêm vào đó, UBND tỉnh vừa ban hành Kế hoạch 76/2023/KH-UBND về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An năm 2023 nhằm tập trung nâng cấp hạ tầng, phát triển các HTTT, cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành tạo nền tảng phát triển Chính quyền số bảo đảm an toàn, an ninh thông tin. Cùng với những thành tựu chuyển đổi số nói

chung, Nghệ An có nhiều tiềm năng để hình thành và phát triển HTTT phục vụ quản lý và khai thác tài sản trí tuệ.

Trong nghiên cứu này, tác giả tập trung nhận diện thực trạng HTTT quản lý tài sản tại Nghệ An, từ đó đề xuất mô hình HTTT trên nền tảng số phục vụ quản lý và khai thác tài sản trí tuệ tại Việt Nam. Nghiên cứu này trả lời cho câu hỏi: *Hiện nay HTTT phục vụ quản lý khai thác tài sản trí tuệ trong bối cảnh chuyển đổi số tại tỉnh Nghệ An như thế nào? Xây dựng hệ thống này như thế nào để phát huy hiệu quả quản lý và khai thác tài sản trí tuệ tại Việt Nam?*

2. Các khái niệm

2.1. Tài sản trí tuệ

Theo văn bản hợp nhất Luật SHTT năm 2019: “*Quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng*”. Ở đây, Luật SHTT đã đề cập đến thuật ngữ “tài sản trí tuệ” (Intellectual asset) nhưng không lý giải cụ thể nội hàm khái niệm.

Từ tiếp cận pháp luật, tác giả Hoàng Hải Yến (2021) đã nhận định tài sản trí tuệ có thể tiếp cận ở 2 góc độ chính: (1) Góc độ tài sản (Liên quan

đến Luật Kinh doanh, Luật Thương mại, Luật Tài chính...) và (2) Góc độ ghi nhận sáng tạo (Liên quan tới Luật SHTT, Luật Khoa học và Công nghệ...). Như vậy có thể hiểu, tài sản trí tuệ là kết quả từ hoạt động tư duy, sáng tạo của con người đáp ứng các yêu cầu bảo hộ SHTT.

Trong bài viết này, tài sản trí tuệ có thể được hiểu là tập hợp các sản phẩm được tạo ra bởi trí tuệ con người như: các tác phẩm, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu... Những đối

tượng này được coi là tài sản do các tác giả sáng tạo nên và có thể sinh lời thông qua việc khai thác thương mại.

2.2. Chuyển đổi số

Đã có nhiều nhà nghiên cứu phân tích khái niệm chuyển đổi số nên trong phạm vi nghiên cứu này, tác giả muốn nhấn mạnh mối liên kết giữa chuyển đổi số và sự thay đổi thông tin phục vụ quản lý.

Tác giả Jiaqi Jin (2021) với nghiên cứu “Ba giai đoạn của chuyển đổi số” (*A three-stage model of digital transformation*) đã nhận định chuyển đổi số diễn ra với 3 giai đoạn mang những đặc trưng tiêu biểu sau:

Bảng 1: Các giai đoạn của chuyển đổi số

	Giai đoạn 1: Thu thập và kết nối dữ liệu lớn (<i>Big data collection and interconnection</i>)	Giai đoạn 2: Xây dựng nền tảng dựa trên tài nguyên dữ liệu (<i>Platform based on data resources</i>)	Giai đoạn 3: Hình thành hệ sinh thái kinh tế số (<i>Digital economy ecosystem</i>)
Mục tiêu	Tích hợp tài nguyên dữ liệu (<i>Integrating data resources</i>)	Thiết lập nền tảng tập trung (<i>Setting up a centralized platform</i>)	Thiết lập hệ sinh thái kinh tế (<i>Establish an economic ecosystem</i>)
Mô hình phát triển	Thiết lập hệ thống dữ liệu (<i>Setting up a data system</i>)	Phá vỡ sự mất thống nhất thông tin (<i>Break down information disunity</i>)	Hợp tác với các doanh nghiệp trong ngành (<i>Cooperate with companies in the industry</i>)
Công nghệ chủ đạo	Dữ liệu lớn (<i>Big data</i>)	Công nghệ kết nối vạn vật (<i>IoT</i>)	Dữ liệu tích hợp (<i>Integrated data</i>)
Trở ngại	Thu thập dữ liệu quy mô lớn (<i>Data collection</i>)	Thắt chặt người dùng (<i>Squeeze the user</i>)	Thông tin bất đối xứng (<i>Information asymmetry</i>)

Nguồn: Jiaqi Jin (2021)⁽²⁾

Theo đó, ba giai đoạn chính của chuyển đổi số gắn liền với việc thu thập dữ liệu và xây dựng nền tảng dựa trên tài nguyên dữ liệu. Bằng việc sử dụng dữ liệu lớn (Big data), kết nối dữ liệu vạn vật (IoT) và các dữ liệu tích hợp (Integrated data); các tổ chức có thể khai thác và sử dụng thông tin phục vụ quản lý tổ chức.

Trong bài viết này, thuật ngữ chuyển đổi số được hiểu là quá trình triển khai những thay đổi chủ yếu về chính sách quản lý, mục tiêu, công cụ... để xây dựng HTTT phục vụ quản lý và khai thác tài sản trí tuệ trong bối cảnh chuyển đổi số.

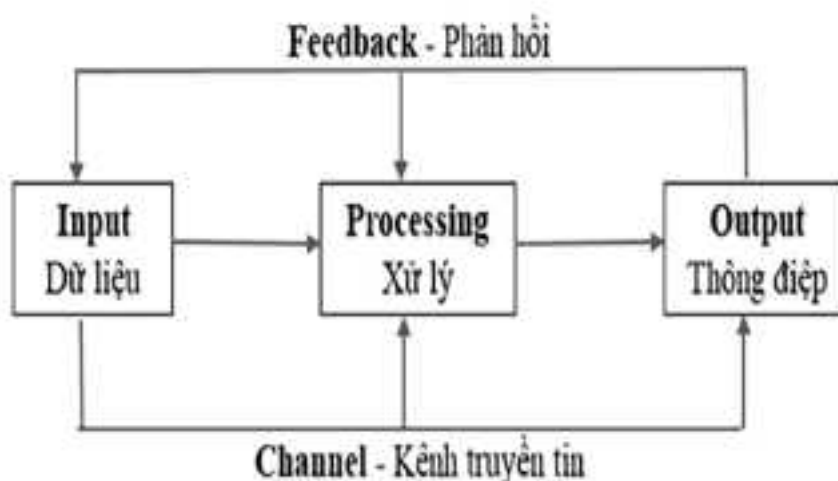
2.3. Hệ thống thông tin phục vụ quản lý và khai thác tài sản trí tuệ

HTTT (Information system) là một tập hợp những phần tử có mối liên hệ tương tác thực hiện các nhiệm vụ thu thập, xử lý, tổ chức, lưu giữ, kết nối, phổ biến thông tin, dữ liệu và cung cấp cơ chế phản hồi nhằm đạt được một mục tiêu nhất định⁽³⁾.

Bằng cách tiếp cận lý thuyết hệ thống, tác giả nhận diện HTTT phục vụ quản lý khai thác tài sản

trí tuệ là một hệ thống với phần tử là các cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân thực hiện thu thập, xử lý, tiếp nhận và phổ biến thông tin, cung cấp cơ chế phản hồi thông tin hướng đến mục tiêu quản lý và khai thác tài sản trí tuệ trong bối cảnh chuyển đổi số. HTTT được cụ thể hóa bằng sơ đồ sau:

Sơ đồ 1: Sơ đồ hệ thống thông tin quản lý và khai thác tài sản trí tuệ



Nguồn: Tác giả nghiên cứu

Theo đó, HTTT bao gồm 3 yếu tố sau:

- **Đầu vào (Input):** Là những dữ liệu thô chưa qua xử lý vào hệ thống; bao gồm: (1) Các văn bản chính sách liên quan đến SHTT; (2) Thông tin thống kê về tài sản trí tuệ; (3) Thị trường về tài sản trí tuệ. Các dữ liệu đầu vào là phần tử khởi đầu của HTTT nên yêu cầu quan trọng nhất là đảm bảo tính chính xác.

- **Xử lý (Processing):** Là quá trình chuyển đổi các dữ liệu đầu vào thành các thông tin đầu ra hữu ích phục vụ cho quá trình quản lý và khai thác tài sản trí tuệ trong bối cảnh chuyển đổi số. Quá trình này bao gồm: (1) Tổng hợp, liên kết các dữ liệu SHTT; (2) Phân chia dữ liệu theo lãnh thổ, theo cấp quản lý hoặc theo ngành/lĩnh vực; (3) Chuyển hóa dữ liệu thành các thông điệp.

- **Đầu ra (Output):** Là các thông điệp hữu ích tồn tại ở dạng tài liệu và báo cáo, được tạo ra từ quá trình xử lý thông tin phục vụ mục tiêu quản lý và khai thác tài sản trí tuệ. Các loại thông điệp bao gồm: (1) Thông tin phục vụ cho việc ra các quyết định quản lý SHTT trong bối cảnh chuyển đổi số; (2) Thông tin hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân, xác lập quyền SHTT, khai thác thương mại tài sản trí tuệ; (3) Tiếp nhận và sử dụng, quảng bá các sản phẩm là tài sản trí tuệ.

- **Phản hồi (Feedback):** Là việc tiến hành mối liên hệ ngược trong quá trình thông tin đầu ra đến dữ liệu đầu vào. Thông tin phản hồi là kết quả đầu ra được sử dụng để thực hiện những thay đổi với hoạt động nhập liệu và hoạt động xử lý của HTTT. Thông tin phản hồi có thể xuất phát từ cơ quan quản lý nhà nước; các

tổ chức, cá nhân có liên quan đến tài sản trí tuệ, các nhà đầu tư, khách hàng đang quan tâm hoặc sử dụng sản phẩm là tài sản trí tuệ...

- Kênh truyền thông tin (channel): Là sự kết hợp giữa cách thức và phương tiện mang thông điệp từ người gửi đến người nhận. Đặt trong bối cảnh chuyển đổi số, kênh truyền thông tin được đẩy mạnh qua các tài liệu được số hóa và được truyền đi qua các kênh thông tin điện tử.

- Ngoài ra trong HTTT còn yếu tố “Nhiều” là những yếu tố có thể có ở tất cả các khâu của quá trình thông tin cản trở sự vận hành của quá trình thông tin. Nhiều thông tin có thể là *nhiều vật lý* do sự cố kỹ thuật hoặc môi trường khi truyền thông tin, *nhiều ngữ nghĩa* do các cách sử dụng ngôn ngữ và *nhiều thực dụng* do người truyền thông tin và người nhận thông tin SHTT bị chi phối bởi các quan hệ xã hội hay bởi quyền lợi kinh tế tài chính.

Như vậy, HTTT được vận hành do sự

liên kết và thống nhất của nhiều chủ thể có liên quan như các tổ chức nhà nước; các tổ chức, cá nhân là chủ thể sáng tạo/sở hữu tài sản trí tuệ; các cá nhân quan tâm/sử dụng tài sản trí tuệ. Do đó, đặt ra yêu cầu tạo dựng một mô hình liên kết giữa các nhóm thông tin chủ thể quản lý để thống nhất HTTT phục vụ khai thác và quản lý tài sản trí tuệ trong bối cảnh chuyển đổi số.

3. Thực trạng HTTT phục vụ quản lý và khai thác tài sản trí tuệ trong bối cảnh chuyển đổi số tại tỉnh Nghệ An

3.1. HTTT phục vụ quản lý và khai thác tài sản trí tuệ trong bối cảnh chuyển đổi số tại tỉnh Nghệ An

Trong bài viết này, tác giả tập trung phân tích thực trạng khai thác tài sản trí tuệ và HTTT phục vụ quản lý và khai thác tài sản trí tuệ tại Nghệ An đặt trong bối cảnh chuyển đổi số.

(1) Thực trạng khai thác và quản lý tài sản trí tuệ tại tỉnh Nghệ An

Tính tới nay, việc thiết lập quyền SHTT đối với các tài sản trí tuệ tại Nghệ An ngày càng được quan tâm và đẩy mạnh. Trên thực tế, số lượng tổ chức/cá nhân nộp đơn và được cấp văn bằng bảo hộ SHTT của Nghệ An ngày càng tăng.

Bảng 2: Thống kê đơn đăng ký bảo hộ SHTT đến năm 2022 tại Nghệ An

Năm	Sáng chế/ GPHI	Kiểu dáng công nghiệp	Nhãn hiệu	Tổng
1991-2019	75	83	2.160	2.318
2020	10	21	325	356
2021	19	20	397	436
2022	19	20	412	451
Tổng	123	144	3.294	3.561

Nguồn: Tổng hợp từ Cục Sở hữu trí tuệ

Đến hết năm 2022, Nghệ An đã có 3.561 đơn gồm: 123 sáng chế và giải pháp hữu ích, 144 kiểu dáng công nghiệp, 3.294 nhãn hiệu. Tổng số lượng nộp đơn đăng ký bảo hộ hàng năm có xu hướng tăng đều và chủ yếu tăng số lượng đơn đăng ký nhãn hiệu. Tính riêng năm

2022, Nghệ An có 451 đơn, trong đó có 19 đơn sáng chế và giải pháp hữu ích, 20 đơn kiểu dáng công nghiệp, 412 đơn nhãn hiệu; tăng 15 đơn so với năm 2021 tương đương tỷ lệ tăng 3,4%.

Bảng 3: Thống kê văn bằng bảo hộ SHTT đến năm 2022 tại Nghệ An

Năm	Sáng chế/ GPHI	Kiểu dáng công nghiệp	Nhãn hiệu	Tổng
1991-2019	18	42	1.018	1.078
2020	0	10	178	188
2021	10	19	197	226
2022	4	8	186	198
Tổng	32	79	1.579	1.690

Nguồn: Tổng hợp từ Cục Sở hữu trí tuệ

Đến hết năm 2021, Nghệ An có 1.690 đối tượng được bảo hộ, trong đó có 32 sáng chế và giải pháp hữu ích, 79 kiểu dáng công nghiệp, 1.579 nhãn hiệu. Tính riêng năm 2022, Nghệ An có 198 bằng bảo hộ, trong đó có 4 sáng chế và giải pháp hữu ích, 8 kiểu dáng công nghiệp, 186 nhãn hiệu; giảm xuống so với năm 2021 là 226 bằng tương đương tỷ lệ giảm 12,4%.

Sau khi được bảo hộ quyền SHTT, giá trị của các tài sản trí tuệ được tăng lên rất nhiều so với trước khi được bảo hộ. Điển hình như sản phẩm OCOP Bò Giàng Tương Dương của Hợp tác xã Sản xuất và Kinh doanh bò giàng Thảo Hảo được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 4-0307905-000 năm 2018 cho nhãn hiệu “Bò Giàng Tương Dương, hình”. Sản phẩm cũng được chứng nhận OCOP 3 sao nên việc tiêu thụ khá dễ dàng, giá bán ổn định: bò giàng 1.000.000 đồng/kg, lợn giàng 600.000 đồng/kg, ba chỉ gác bếp 400.000 đồng/kg⁽⁴⁾. Đơn vị kinh doanh có nhiều cơ hội tham gia nhiều hội chợ xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm tại Hà Nội, Hà Tĩnh, Đà Nẵng, Thanh Hóa... và ký hợp đồng thỏa thuận tiêu thụ sản phẩm tại các siêu thị.

Việc đăng ký bảo hộ quyền SHTT tại tỉnh Nghệ An có vai trò rất quan trọng trong việc khai thác tiềm năng địa phương và thúc đẩy thương mại hóa tài sản trí tuệ địa phương. Nếu không đăng ký và được bảo hộ tài sản trí tuệ, các tổ chức, cá nhân của Nghệ An

có thể sẽ đối mặt với nhiều bất lợi như:

- Không thể thương mại hóa sản phẩm hoặc lợi nhuận không cao do sản phẩm không có nhãn hiệu, không khả năng truy xuất nguồn gốc;

- Giảm khả năng cạnh tranh với các đối tượng đã đăng ký bảo hộ quyền SHTT;

- Khó khăn trong việc đấu tranh với hàng giả, hàng nhái;

- Có thể xảy ra các tranh chấp không đáng có với đối tượng tương tự đã đăng ký và được bảo hộ, gây thiệt hại nặng nề về kinh tế và uy tín tổ chức;

- Mất khả năng mở rộng ra thị trường quốc tế.

Với những lợi thế và yêu cầu đặt ra về tài sản trí tuệ thì các tổ chức, cá nhân tại tỉnh Nghệ An cần quan tâm hơn nữa tới việc đăng ký và bảo hộ quyền SHTT. Để phục vụ quản lý và khai thác tài sản trí tuệ, tại Nghệ An đã bước đầu được hình thành HTTT qua sự liên kết giữa cơ quan nhà nước và các tổ chức địa phương.

(2) Thực trạng HTTT phục vụ quản lý và khai thác tài sản trí tuệ tại Nghệ An trong bối cảnh chuyển đổi số

a) HTTT của các cơ quan quản lý nhà nước

Căn cứ theo Luật SHTT năm 2019, Chính phủ đã thống nhất về trách nhiệm quản lý và cung cấp thông tin về tài sản trí tuệ của các cơ quan hành chính từ Trung ương tới địa phương:

- Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (<https://www.most.gov.vn/vn>). Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An (<https://khcn.nghean.gov.vn/>) cung cấp các văn bản chính sách, sự kiện liên quan đến các đối tượng của quyền SHTT và hình thành Cổng kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ (<http://csdlkhcn.ngheandost.gov.vn/>) để cung cấp dữ liệu về tài sản trí tuệ nhanh chóng và thuận tiện nhất.

Đặc biệt, Cục SHTT đã xây dựng và đưa vào vận hành công cụ WIPO Publish (<http://wipopublish.ipvietnam.gov.vn/>). Theo đó, người dùng có thể dễ dàng tra cứu các đơn yêu cầu bảo hộ và các đối tượng đã được cấp văn bằng tại Việt Nam trong các lĩnh vực: sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu. Chỉ trong tháng 02/2023, theo số liệu thống kê của Cục Sở hữu

trí tuệ thì tỉnh Nghệ An có 26 đơn đăng ký bảo hộ mới bao gồm 25 đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu và 01 đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp. Cùng với đó, có 14 văn bằng bảo hộ mới được cấp bao gồm 10 nhãn hiệu, 02 giải pháp hữu ích, 02 kiểu dáng công nghiệp.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý nhà nước về quyền tác giả và quyền liên quan (<https://bvhttdl.gov.vn/>) và Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP);

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng (<https://www.mard.gov.vn/>) và Chương trình OCOP. Tại địa phương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An (<https://nnptnt.nghean.gov.vn/>) cũng xây dựng hệ thống dữ liệu theo các lĩnh vực chuyên môn gồm sản phẩm và số liệu thống kê các sản phẩm là tài sản trí tuệ;

- Bộ Thông tin và Truyền thông (<https://www.mic.gov.vn/>) và Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Nghệ An (<https://tttt.nghean.gov.vn/>) quản lý các hoạt động thông tin và truyền thông bao gồm thông tin SHTT;



Giao diện tra cứu trên thư viện số về sở hữu công nghiệp WIPO Publish

Cụ thể, các cơ quan quản lý thực hiện công tác quản lý nhà nước, giám sát các tài sản trí tuệ được bảo hộ, cung cấp các số liệu phục vụ tra cứu tài sản trí tuệ theo các nhóm đối tượng được bảo hộ, hỗ trợ các hoạt động thương mại hóa tài sản trí tuệ.

b, HTTT thương mại hóa tài sản trí tuệ

- Các cơ quan xúc tiến thương mại. Các hoạt động xúc tiến thương mại, bao gồm thương mại hóa tài sản trí tuệ cũng được chú trọng thực hiện thông qua Cục Xúc tiến thương mại (<https://www.vietrade.gov.vn/>), Trung tâm Xúc tiến thương mại, đầu tư và du lịch Nghệ An (<https://napc.nghean.gov.vn/>), Cổng thông tin điện tử INVEST VIETNAM (<https://investvietnam.gov.vn/>), Nền tảng số trong lĩnh vực du lịch (<https://nentangso.vietnam-tourism.gov.vn/>)...

- Các sàn thương mại điện tử. Thương mại hóa bằng hình thức trực tuyến khiến cho việc giao dịch mua bán trở nên thuận lợi hơn như: Postmart.vn (<https://postmart.vn/>) của Vietnam Post, Vò sò (<https://voso.vn/>) của ViettelPost, Sàn giao dịch thương mại điện tử Nghệ An (<http://37nghean.com/>)... và các ứng dụng thương mại điện tử như Lazada (<https://www.lazada.vn/>), Tiki (<https://tiki.vn/>), Hot deal (<https://www.hotdeal.vn/>), Shopee (<https://shopee.vn/>)... Các trang mạng xã hội như Youtube, Facebook, Zalo, Tik Tok... cũng được tận dụng để đăng tải thông tin về SHTT và trở thành thị trường để thương mại hóa tài sản trí tuệ.

Kết quả là mặc dù ảnh hưởng bởi đại dịch Covid kéo dài nhưng doanh thu của nhiều chủ thể sở hữu tài sản trí tuệ vẫn tiếp tục tăng. Chẳng hạn, lợi nhuận từ các sản phẩm OCOP tại Nghệ An vẫn có thể tăng tới 10-15% trong thời gian dịch; tạo việc làm thường xuyên cho khoảng 2.300 lao động và 1.800-2.000 lao động thời vụ, với thu nhập bình quân 3,5-4 triệu đồng/người/tháng⁽⁵⁾.

c) HTTT từ các đơn vị hỗ trợ khác

Ngoài các thông tin từ các cơ quan quản lý nhà

nước và các đơn vị xúc tiến thương mại hóa tài sản trí tuệ, cộng đồng có thể tiếp cận thông tin SHTT thông qua:

- Các kênh thông tin truyền thông được hình thành để truyền tải thông tin về SHTT địa phương bao gồm các cơ quan báo chí thường trú tại Nghệ An và các kênh thông tin số như: Cổng thông tin điện tử tỉnh Nghệ An (<https://www.nghean.gov.vn/>), Nghệ An 24h (<https://nghean24h.vn/>), Báo Nghệ An (<https://baonghean.vn/>), Đài Phát thanh và Truyền hình Nghệ An (<https://truyenhinhnghean.vn/>)...

- Hệ thống thư viện của tỉnh Nghệ An. Thư viện tỉnh Nghệ An bao gồm các tài liệu và các đầu sách, bao gồm: 360.000 bản sách tổng hợp, 15.000 bản sách địa chí, 700 bản sách khiếm thị; báo, tạp chí trên 450 tên⁽⁶⁾... Bên cạnh Thư viện tỉnh chứa các tài liệu bản cứng, tỉnh Nghệ An có cả Thư viện số <http://thuviennghean.tailieu.vn/> cung cấp tài liệu theo các lĩnh vực khoa học như khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học ứng dụng...; Thư viện điện tử khoa học và công nghệ - Nghệ An (<http://203.210.197.78:8081/OPACDigital/Winindex.aspx>) giúp người dùng tra cứu các tài liệu theo một số trường tìm kiếm đơn giản về hình ảnh, bản đồ, âm thanh, văn bản...; Thư viện điện tử Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An (<https://nghean.violet.vn/>) cung cấp các tài nguyên giáo dục... cùng nhiều thư viện địa phương và tư nhân khác cung cấp các tài liệu và ứng dụng tương tác đọc, tra cứu trực quan cho độc giả mọi lúc, mọi nơi.

3.2. Đánh giá HTTT phục vụ quản lý và khai thác tài sản trí tuệ trong bối cảnh chuyển đổi số tại tỉnh Nghệ An

HTTT quản lý và khai thác tài sản trí tuệ tại Nghệ An đã bước đầu được hình thành và là kênh thông tin hữu hiệu phục vụ công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách của Nhà nước về quyền SHTT, cũng như định hướng các tổ chức, cá nhân trong việc xác lập quyền SHTT. Thành tựu nổi bật là các cơ quan quản lý và khai thác tài sản trí tuệ hiện nay đều có các cổng thông tin điện tử hoặc kênh thông tin điện tử; tạo thuận lợi cho việc tra cứu và sử dụng thông tin SHTT. Tuy nhiên, HTTT này vẫn còn những hạn chế cần được khắc phục như:

Thứ nhất, thông tin về SHTT còn sơ sài và thiếu tính liên kết

- Thông tin phục vụ quản lý và khai thác tài sản trí tuệ hiện dừng ở việc đăng tải các văn bản chính sách của nhà nước và một số phóng sự đơn lẻ. Các số liệu thống kê hiện chia theo đối tượng của quyền SHTT; chưa có thống kê theo đơn vị hành chính cấp nhỏ hơn như huyện, xã hoặc theo chủ sở hữu tài sản trí tuệ. Điều này gây ra ít nhiều trở ngại cho người tra cứu và sử dụng thông tin.

- Liên kết giữa các cơ quan chuyên môn quản lý và khai thác tài sản trí tuệ chưa chặt chẽ. Mặc dù Luật SHTT đã nêu rõ trách nhiệm của từng cơ quan thực thi quyền SHTT, nhưng chưa có quy định ràng buộc trách nhiệm phải phối hợp quản lý và thông tin giữa các cơ quan này. Chẳng hạn, sản phẩm Cam Vinh đã được cấp văn bằng bảo hộ chỉ dẫn địa lý bởi Cục SHTT nhưng nếu muốn tìm hiểu thông tin về chính sách khuyến khích trồng trọt hoặc xuất khẩu sẽ cần tra cứu đồng thời thông tin của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Công thương và các thông tin SHTT quốc tế sau đó tự chất lọc, kết nối thông tin. Điều này dẫn đến việc chồng chéo trách nhiệm thông tin giữa các cơ quan quản lý. Chưa kể người nhận tin phải có một năng lực đọc, hiểu, phân tích và tổng hợp thông tin SHTT ở mức trung bình trở lên và sẽ mất nhiều thời gian cho quá trình này.

Thứ hai, HTTT phục vụ khai thác tài sản trí tuệ chưa tiếp cận được với nhiều nhóm đối tượng

- HTTT về quản lý và khai thác SHTT đã hình thành ở cấp trung ương và cấp tỉnh nhưng chưa hình thành ở cấp huyện, xã. Trong khi đó, những đơn vị hành chính cấp nhỏ nhất mới là đơn vị trực tiếp giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về SHTT và khuyến khích các cá nhân, tổ chức khai thác giá trị tài sản trí tuệ.

- Các thông tin hiện nay mới chỉ tập trung ở chính sách và danh sách thống kê đối tượng SHTT. Trong khi đó liên quan đến quản lý và khai thác tài sản trí tuệ vẫn có thể mở rộng hơn như: các nhà đầu tư; các tổ chức hỗ trợ thương mại hóa tài sản trí tuệ và chuyển giao công nghệ; các tổ chức/cá nhân đang thực hiện R&D và là đối tượng tiềm năng của quyền SHTT.

Ngoài ra, không có danh sách thống kê hoặc thông tin về các đối tượng của quyền SHTT tiềm năng tại địa phương đính kèm các chính sách để khuyến khích các tác giả, tổ chức đẩy mạnh nghiên cứu và xác lập quyền SHTT.

Thứ ba, chưa chú trọng đến yếu tố phản hồi trong HTTT

Phản hồi ở đây là: (1) Phản hồi kết quả thực hiện các chính sách về SHTT, (2) Phản hồi hoặc đánh giá từ các chủ thể tiếp nhận thông tin và sử dụng các sản phẩm là đối tượng của quyền SHTT. Trong HTTT quản lý và khai thác SHTT hiện nay, hầu hết thông tin mới chỉ dừng ở chiều đi giữa người gửi tới người nhận mà chưa có cơ chế tiếp

nhận thông tin ngược lại. Trong khi đó, thông tin phản hồi lại là yếu tố quan trọng để điều chỉnh hoặc ban hành các quyết định quản lý về SHTT.

Do đó, tác giả cho rằng: *Trong bối cảnh chuyển đổi số để tối ưu hóa giá trị tài sản trí tuệ tại tỉnh Nghệ An và Việt Nam nói chung, cần thiết lập HTTT phục vụ quản lý và khai thác tài sản trí tuệ trên cơ sở liên kết thông tin giữa các chủ thể liên quan đến SHTT.*

4. Đề xuất thiết lập HTTT phục vụ quản lý và khai thác tài sản trí tuệ trong bối cảnh chuyển đổi số

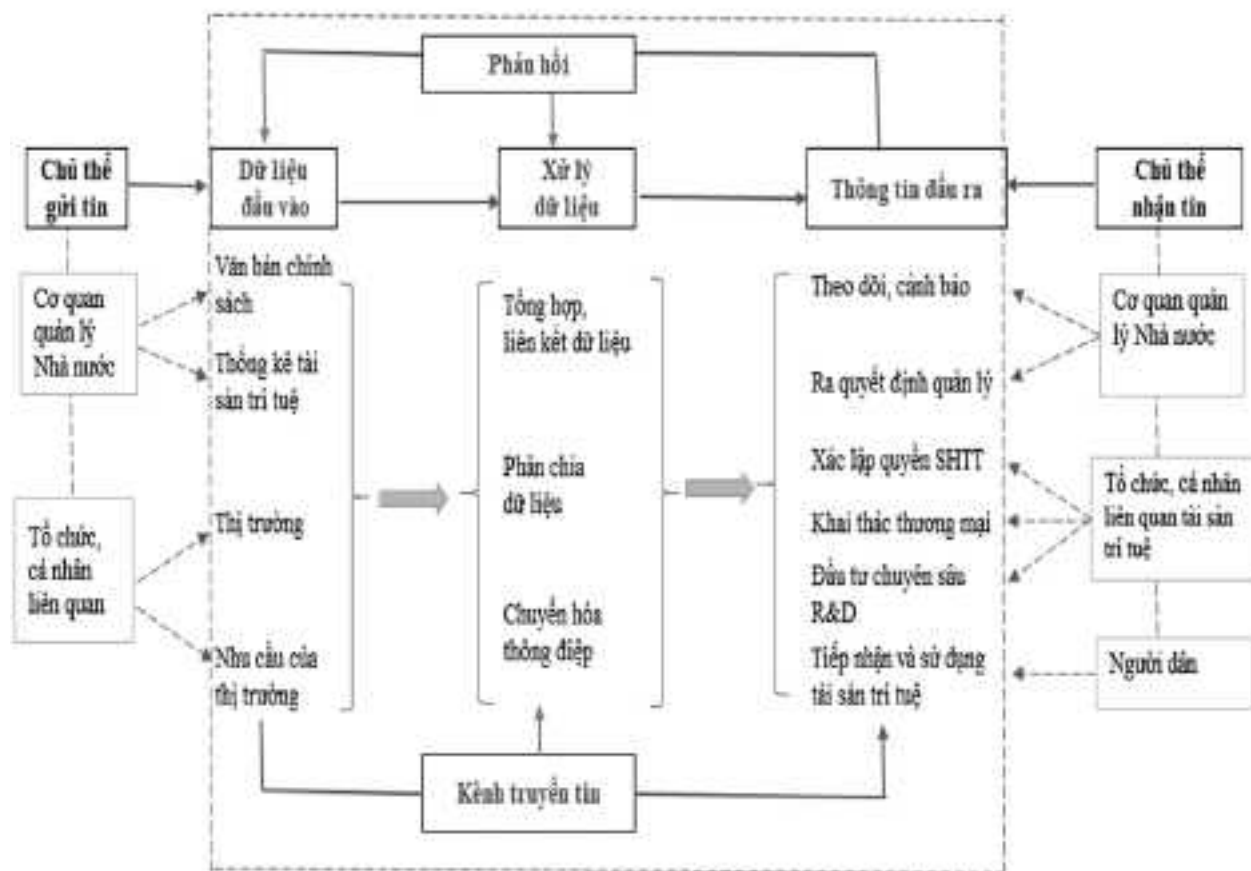
4.1. Đề xuất mô hình

Tác giả đề xuất thiết lập HTTT phục vụ quản lý và khai thác tài sản trí tuệ được xây

dựng hướng đến sự kết nối giữa Nhà nước - các chủ thể liên quan đến tài sản trí tuệ và người sử dụng, trong đó: Nhà nước giữ vai trò là chủ thể ban hành các thiết chế quản lý SHTT, các tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp thông tin, tham gia vào quá trình xử lý, tiếp nhận và phản hồi thông tin.

Hệ thống này cần được xây dựng dựa trên sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước theo thẩm quyền chung và thẩm quyền chuyên môn, có sự phân cấp giữa Trung ương và địa phương trong việc thu thập, xử lý, chia sẻ cơ sở dữ liệu, từng bước hình thành dữ liệu lớn phục vụ cho hoạt động quản lý và khai thác tài sản trí tuệ. Mô hình này được tác giả cụ thể hóa như sau:

Sơ đồ 2: HTTT phục vụ quản lý và khai thác tài sản trí tuệ



Nguồn: Tác giả nghiên cứu

Mô hình nêu trên thể hiện quá trình và vai trò của các yếu tố cấu thành HTTT phục vụ quản lý và khai thác tài sản trí tuệ bao gồm:

- *Đầu vào*: Là các dữ liệu thu thập được từ chủ thể gửi tin, chia thành 2 nhóm chính: (1) Cơ quan quản lý nhà nước cung cấp các văn bản chính sách liên quan đến SHTT và cung cấp số liệu thống kê về tài sản trí tuệ. Việc thống kê tài sản trí tuệ cần được cụ thể hóa theo các đối tượng của quyền SHTT; theo cấp hành chính địa phương huyện, xã; theo các chủ thể là tác giả/chủ sở hữu và xem xét bổ sung thêm thống kê về các sản phẩm là tài sản trí tuệ tiềm năng của các chủ thể. (2) Các tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp dữ liệu về thị trường và nhu cầu thị trường để làm cơ sở cho việc đẩy mạnh nghiên cứu, xác lập quyền SHTT và khai thác thương mại tài sản trí tuệ.

- *Xử lý dữ liệu*: Sau khi thu thập thông tin, trung tâm của HTTT sẽ tiến hành xử lý dữ liệu căn cứ trên các nhiệm vụ: (1) Tổng hợp, liên kết các dữ liệu thu thập được; (2) Phân chia dữ liệu theo các nhóm: đối tượng của quyền SHTT; chủ thể đăng ký/sở hữu hoặc theo địa phương; (3) Chuyển hóa thành các thông điệp tức các thông tin có ích đã qua xử lý. Những thông điệp này sẽ tồn tại dưới dạng văn bản hoặc các báo cáo theo nhu cầu của người sử dụng.

- *Đầu ra*: Thông tin đầu ra của HTTT sẽ được các chủ thể tiếp nhận và đưa ra phương án quản lý và khai thác tài sản trí tuệ như: (1) Cơ quan quản lý Nhà nước theo dõi các hoạt động SHTT, ra các công báo, cảnh báo hoặc ban hành các quyết định quản lý được cụ thể hóa bằng các văn bản chính sách về SHTT; (2) Các tổ chức cá nhân có liên quan đến tài sản trí tuệ có căn cứ để xác lập quyền SHTT, thương mại hóa các tài sản trí tuệ hoặc quyết định đầu tư, tái đầu tư cho R&D; (3) Người dân là người tiếp nhận thông tin hoặc sử dụng các tài sản trí tuệ.

- *Kênh thông tin*: Trong bối cảnh chuyển đổi số, các kênh thông tin của HTTT quản lý và khai thác tài sản trí tuệ được thực hiện chủ yếu qua truyền

thông số bao gồm: (1) Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước; (2) Các kênh truyền thông qua phát thanh, truyền hình, báo chí điện tử; (3) Các kênh thương mại điện tử như trang web, mạng xã hội và các ứng dụng thương mại điện tử.

- *Phản hồi*: Thông tin phản hồi từ các chủ thể tiếp nhận thông tin đầu ra, tương tác ngược lại đầu vào hoặc giai đoạn xử lý dữ liệu. Nội dung phản hồi có thể là: (1) Kết quả thực hiện các chính sách về SHTT; (2) Đánh giá HTTT hoặc đánh giá sử dụng tài sản trí tuệ; (3) Đóng góp cải thiện quá trình thông tin phục vụ quản lý và khai thác tài sản trí tuệ.

4.2. Một số lưu ý

Để thiết lập một HTTT thống nhất và hiệu quả phục vụ quản lý và khai thác tài sản trí tuệ trong bối cảnh chuyển đổi số, các cơ quan quản lý cùng các chủ thể có liên quan đến tài sản trí tuệ cần lưu ý một số điểm sau:

Thứ nhất, hạn chế yếu tố nhiễu trong HTTT. Các dữ liệu đầu vào chỉ nên sử dụng thông tin đến từ cơ quan chính thống để đảm bảo tính chuẩn xác; quá trình xử lý dữ liệu và chuyển hóa thành thông tin không nên sử dụng các thông điệp đa nghĩa hoặc xuyên tạc, cắt ghép thông tin chưa được kiểm chứng.

Thứ hai, quy định về thiết chế phối hợp và báo cáo giữa các cơ quan, tổ chức. Cần quy định rõ trách nhiệm của cơ quan thẩm quyền chung và cơ quan thẩm quyền chuyên môn trong việc phối hợp chia sẻ và tiếp nhận thông tin quản lý SHTT. Cũng cần bổ sung quy định về chế độ báo cáo và quản lý, sử dụng HTTT quản lý và khai thác tài sản trí tuệ.

Thứ ba, phát triển nền tảng số hỗ trợ kết nối, thúc đẩy các hoạt động SHTT. Phát triển nền tảng số cần được thực hiện đồng thời giữa phát triển HTTT, cơ sở dữ liệu dùng chung về SHTT; nâng cao chất lượng dịch vụ mạng cáp quang, mạng di động; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet; tận dụng tối đa các nền tảng thông tin điện tử có khả năng kết nối liên thông.

5. Kết luận

Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra sâu rộng và dưới tác động của chuyển đổi số, bảo hộ quyền SHTT là yêu cầu bắt buộc với các tổ chức, cá nhân muốn đẩy mạnh nghiên cứu, sản xuất và thương mại sản phẩm. Để phục vụ cho quản lý và khai thác các tài sản trí tuệ, việc xây dựng một HTTT trên cơ sở liên kết giữa Nhà nước với các tổ chức, cá nhân liên quan đến SHTT là rất cần thiết. Bằng việc khái quát cơ sở lý luận và thực trạng HTTT phục vụ quản lý và khai thác tài sản trí tuệ của tỉnh Nghệ An, tác giả đã chỉ ra những hạn chế cần khắc phục trong quá trình thông tin này. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đã đề xuất mô hình HTTT phù hợp để phục vụ quản lý và khai thác tài sản trí tuệ trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay./.

Chú thích:

⁽¹⁾ Tổng hợp từ Cục Thống kê tỉnh Nghệ An (2021), *Niên giám thống kê năm 2021*.

⁽²⁾ Jiaqi Jin (2021), *A three-stage model of digital transformation*, *Advances in Economics, Business and Management Research*, Vol 178, pp.261-266, Altantis press.

⁽³⁾ Vũ Cao Đàm (2015), *Lý thuyết Hệ thống*, Viện Chính sách và Quản lý, Hà Nội, tr.14.

⁽⁴⁾ Báo Nghệ An, *Tương Dương quan tâm phát triển sản phẩm OCOP, nâng giá trị nông sản địa phương*, <https://baonghean.vn/tuong-duong-quan-tam-phat-trien-san-pham-ocop-nang-gia-tri-nong-san-dia-phuong-post262450.html>, truy cập ngày 06/4/2023.

⁽⁵⁾ Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, *Tỉnh Nghệ An đặt mục tiêu có ít nhất 300 sản phẩm OCOP*, <https://dangcongsan.vn/kinh-te-va-hoi-nhap/tinh-nghe-an-dat-muc-tieu-co-it-nhat-300-san-pham-ocop-603260.html>, truy cập ngày 04/4/2023.

congsan.vn/kinh-te-va-hoi-nhap/tinh-nghe-an-dat-muc-tieu-co-it-nhat-300-san-pham-ocop-603260.html, truy cập ngày 04/4/2023.

⁽⁶⁾ Tạp chí điện tử Văn hóa và Phát triển, *Thư viện tỉnh Nghệ An - Nơi lưu giữ nguồn tri thức*, <https://phuongnam.vanhoavaphattrien.vn/thu-vien-tinh-nghe-an-noi-luu-giu-nguon-tri-thuc-a16088.html>, truy cập ngày 05/4/2023.

Tài liệu tham khảo:

1. Cục Thống kê tỉnh Nghệ An (2021), *Niên giám thống kê năm 2021*.

2. Vũ Cao Đàm (2015), *Lý thuyết Hệ thống*, Viện Chính sách và Quản lý, Hà Nội, tr.14.

3. Jiaqi Jin (2021), *A three-stage model of digital transformation*, *Advances in Economics, Business and Management Research*, Altantis press, Vol 178, pp.261-266.

4. Lê Tùng Sơn (2021), *Xây dựng hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý và khai thác sản phẩm OCOP gắn với phát triển du lịch ở Việt Nam* (Nghiên cứu trường hợp tại tỉnh Quảng Ngãi), *Kỷ yếu hội thảo “Xác lập, quản lý và khai thác tài sản trí tuệ mang tên địa danh để phát triển kinh tế - xã hội địa phương ở Việt Nam”*, tr.429-447.

5. Hoàng Hải Yến (2021), *Xây dựng chiến lược bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ địa phương trong bối cảnh hội nhập quốc tế*, *Kỷ yếu hội thảo “Xác lập, quản lý và khai thác tài sản trí tuệ mang tên địa danh để phát triển kinh tế - xã hội địa phương ở Việt Nam”*, tr.620-647.

6. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, *Tỉnh Nghệ An đặt mục tiêu có ít nhất 300 sản phẩm OCOP*, <https://dangcongsan.vn/kinh-te-va-hoi-nhap/tinh-nghe-an-dat-muc-tieu-co-it-nhat-300-san-pham-ocop-603260.html>, truy cập ngày 04/4/2023.

7. Báo Nghệ An, *Tương Dương quan tâm phát triển sản phẩm OCOP, nâng giá trị nông sản địa phương*, <https://baonghean.vn/tuong-duong-quan-tam-phat-trien-san-pham-ocop-nang-gia-tri-nong-san-dia-phuong-post262450.html>, truy cập ngày 06/4/2023.

8. Tạp chí Điện tử Văn hóa và Phát triển, *Thư viện tỉnh Nghệ An - Nơi lưu giữ nguồn tri thức*, <https://phuongnam.vanhoavaphattrien.vn/thu-vien-tinh-nghe-an-noi-luu-giu-nguon-tri-thuc-a16088.html>, truy cập ngày 05/4/2023.